

Mẫu đề thi đáp ứng chuẩn đầu ra học phần (CLO) và phục vụ đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI

(Phần dành cho giảng viên khi thiết kế đề thi và các cán bộ quản lý đào tạo)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán

Số tín chỉ: 3

Mã học phần: 71ACCT20023

Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20023_09,10, 11

Thời gian làm bài: 75 phút

Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận

SV được tham khảo tài liệu:

Có (chỉ được sử dụng tài liệu giấy)

Không

Giảng viên nộp đề thi, đáp án

Lần 1

Lần 2

Dự phòng

I. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO (phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần) Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng kiến thức tổng quan kế toán xử lý các tình huống có liên quan	Trắc nghiệm	35%	Câu 1,2,3,4,5,6,7,14,19,20	3,5	PI1.2
CLO 2	Vận dụng qui luật Nợ - Có để xác định sự biến động của các đối tượng kế toán trong từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh	Trắc nghiệm	35%	Câu 8,9,10,11,12,13,15,16,17,18	3,5	PI2.2
CLO 3	Thực hiện từng bước của chu trình kế toán đối với những nghiệp vụ kinh tế giản đơn	Tự luận	30%	Câu tự luận	3	PI8.1

(Phần công bố cho sinh viên)

I. Thông tin chung

Học phần: Nguyên lý kế toán	Số tín chỉ: 3
Mã học phần: 71ACCT20023	Mã nhóm lớp học phần: 233_71ACCT20023_09,10, 11
Thời gian làm bài: 75 phút	Hình thức thi: Trắc nghiệm + Tự luận
SV được tham khảo tài liệu:	Có <input checked="" type="checkbox"/> chỉ được sử dụng tài liệu giấy Không <input type="checkbox"/>
Giảng viên nộp đề thi, đáp án	Lần 1 <input type="checkbox"/> Lần 2 <input checked="" type="checkbox"/> Dự phòng <input type="checkbox"/>

II. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (7.0 điểm)

Câu 1: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp sẽ thay đổi nếu:

- A. Doanh nghiệp chuyển khoản trả nợ cho người bán
- B. Doanh nghiệp chuyển khoản mua hàng hóa nhập kho
- C. Doanh nghiệp đem tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng
- D. Doanh nghiệp thu được tiền mặt do khách hàng trả nợ

ANSWER: A

Câu: Tổng giá trị nguồn vốn của doanh nghiệp sẽ KHÔNG thay đổi nếu:

- A. Doanh nghiệp đem tiền mặt gửi vào tài khoản ngân hàng
- B. Doanh nghiệp chuyển khoản để thanh toán lương cho nhân viên
- C. Doanh nghiệp nhận được khoản góp vốn từ chủ sở hữu bằng chuyển khoản
- D. Doanh nghiệp chuyển khoản trả nợ cho người bán

ANSWER: A

Câu 2: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Trong năm N, tài sản của công ty giảm 400.000.000 đồng và nợ phải trả cũng đã giảm 700.000.000 đồng. Vậy vốn chủ sở hữu của công ty trong năm N đã:

- A. Tăng 300.000.000 đồng
- B. Giảm 300.000.000 đồng
- C. Tăng 1.100.000.000 đồng

D. Giảm 1.100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Trong năm N, công ty có tổng vốn chủ sở hữu tăng 400.000.000 đồng và nợ phải trả cũng đã tăng 700.000.000 đồng. Vậy tổng tài sản của công ty trong năm N đã:

A. Tăng 1.100.000.000 đồng

B. Tăng 300.000.000 đồng

C. Giảm 300.000.000 đồng

D. Giảm 1.100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 3: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ là khoản chênh lệch giữa:

A. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ (-) Giá vốn hàng bán

B. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ (-) Giá vốn hàng bán

C. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ (-) Các khoản giảm trừ doanh thu

D. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ (-) Giá vốn hàng bán trừ (-) Chi phí bán hàng

ANSWER: A

Câu: Trị giá gốc của số hàng hóa bán ra trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chỉ tiêu nào trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh?

A. Giá vốn hàng bán

B. Chi phí bán hàng

C. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

D. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ

ANSWER: A

Câu 4: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Kế toán ghi Có TK 515 trong trường hợp:

A. Công ty nhận được tiền lãi từ việc đầu tư chứng khoán

B. Công ty thu được tiền do người bán bồi thường hợp đồng

C. Công ty hoàn thành dịch vụ tư vấn cho khách hàng và thu tiền ngay

D. Công ty giao hàng cho khách hàng và thu tiền ngay

ANSWER: A

Câu: Kế toán ghi Có TK 511 trong trường hợp:

A. Công ty hoàn thành dịch vụ tư vấn cho khách hàng và thu tiền ngay

B. Công ty thu được tiền do người bán bồi thường hợp đồng

C. Công ty nhận được tiền lãi từ việc đầu tư chứng khoán

D. Công ty nhận được một tài sản do đối tác gửi tặng

ANSWER: A

Câu 5: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Nghiệp vụ “Nhận được một chiếc do đối tác gửi tặng có giá trị 24.000.000 đồng, doanh nghiệp tạm nhập kho thiết bị này” được kế ghi sổ nhật ký như thế nào?

A. Nợ TK 153 / Có TK 711

B. Nợ TK 642 / Có TK 711

C. Nợ TK 242 / Có TK 711

D. Nợ TK 211/ Có TK 711

ANSWER: A

Câu : Nghiệp vụ “Doanh nghiệp chuyển khoản mua một máy chiếu trị giá 24.000.000 đồng về sử dụng ngay tại phòng họp công ty, biết rằng thời gian sử dụng ước tính trong 24 tháng” được kế toán ghi sổ nhật ký như thế nào?

A. Nợ TK 242 / Có TK 112

B. Nợ TK 642 / Có TK 112

C. Nợ TK 153 / Có TK 112

D. Nợ TK 211/ Có TK 112

ANSWER: A

Câu 6: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Thông tin tình hình kinh doanh công ty A trong năm 2023 như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 1.900.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 435.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 750.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán 50.000.000 đồng
- + Chiết khấu thanh toán: 15.000.000 đồng
- + Hàng bán bị trả lại: 135.000.000 đồng

- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 12.000.000 đồng
- + Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty A trong năm 2023 bằng bao nhiêu?

- A. 1.715.000.000 đồng
- B. 1.700.000.000 đồng
- C. 965.000.000 đồng
- D. 950.000.000 đồng

Câu: Thông tin tình hình kinh doanh công ty A trong năm 2023 như sau:

- + Tổng doanh thu bán hàng: 1.900.000.000 đồng
- + Chi phí phát sinh tại bộ phận quản lý doanh nghiệp: 435.000.000 đồng
- + Tổng trị giá xuất kho của lô hàng bán ra: 750.000.000 đồng
- + Giảm giá hàng bán 50.000.000 đồng
- + Chiết khấu thanh toán: 15.000.000 đồng
- + Hàng bán bị trả lại: 135.000.000 đồng
- + Chi phí phục vụ cho công tác bán hàng: 350.000.000 đồng
- + Lãi từ tiền gửi tiết kiệm: 12.000.000 đồng
- + Khách hàng bồi thường do vi phạm hợp đồng: 25.000.000 đồng

Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty A trong năm 2023 bằng bao nhiêu?

- A. 965.000.000 đồng
- B. 1.700.000.000 đồng
- C. 1.715.000.000 đồng
- D. 950.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 7: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Số dư cuối kỳ bên Nợ của tài khoản “**Phải thu khách hàng**” của công ty là 400.000.000 đồng. Điều này mang ý nghĩa:

- A. Số tiền khách hàng còn đang nợ công ty là 400.000.000 đồng
- B. Số tiền công ty còn đang nợ khách hàng là 400.000.000 đồng
- C. Công ty vừa bán một lô hàng với giá 400.000.000 đồng nhưng chưa thu tiền

D. Công ty vừa mua hàng hóa trị giá 400.000.000 đồng nhưng chưa thanh toán

ANSWER: A

Câu: Số dư cuối kỳ bên Có của tài khoản “**Phải trả người bán**” của công ty là 500.000.000 đồng. Điều này mang ý nghĩa:

A. Số tiền công ty còn đang nợ người bán là 500.000.000 đồng

B. Số tiền người bán còn đang nợ công ty là 500.000.000 đồng

C. Công ty vừa mua một lô hàng với giá 500.000.000 đồng nhưng chưa trả tiền

D. Công ty vừa bán một lô hàng hóa với giá 500.000.000 đồng nhưng chưa thu tiền

ANSWER: A

Câu 8: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Số dư Tài khoản 341 tại ngày 1/1/2024 cho thấy khoản tiền doanh nghiệp còn nợ ngân hàng là 390.000.000 đồng. Trong tháng 1/2024, doanh nghiệp đã chuyển khoản trả nợ vay ngân hàng 170.000.000 đồng và đồng thời cũng vay ngân hàng mua một xe bán tải chở hàng trị giá 240.000.000 đồng. Cho biết số dư TK 341 vào cuối tháng 1/2024 bằng bao nhiêu?

A. Dư Có 460.000.000 đồng

B. Dư Nợ 460.000.000 đồng

C. Dư Có 320.000.000 đồng

D. Dư Nợ 320.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Số dư Tài khoản 156 tại ngày 1/1/2024 cho thấy hàng hóa công ty đang có là 390.000.000 đồng. Trong tháng 1/2024, doanh nghiệp đã xuất kho bán cho khách hàng một lô hàng hóa có trị giá 275.000.000 đồng và đồng thời cũng mua chịu một lô hàng hóa với giá 240.000.000 đồng. Cho biết số dư TK 156 vào cuối tháng 1/2024 bằng bao nhiêu?

A. Dư Nợ 355.000.000 đồng

B. Dư Có 355.000.000 đồng

C. Dư Nợ 425.000.000 đồng

D. Dư Có 425.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 9: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Nghiệp vụ “Mua chịu một số văn phòng phẩm dùng ngay một lần tại cửa hàng, trị giá 5.000.000 đồng” được kế toán ghi sổ nhật ký:

A. Nợ TK 641 5.000.000

- Có TK 331 5.000.000
- B. Nợ TK 211 5.000.000**
- Có TK 331 5.000.000
- C. Nợ TK 242 5.000.000**
- Có TK 331 5.000.000
- D. Nợ TK 153 5.000.000**
- Có TK 331 5.000.000

ANSWER: A

Câu: Nghiệp vụ “Mua một máy photocopy nhập kho trị giá 18.000.000 đồng chưa thanh toán, thời gian phân bổ hợp lý 2 năm” được kế toán ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 153 18.000.000**
- Có TK 331 18.000.000
- B. Nợ TK 211 18.000.000**
- Có TK 331 18.000.000
- C. Nợ TK 641 18.000.000**
- Có TK 331 18.000.000
- D. Nợ TK 242 18.000.000**
- Có TK 331 18.000.000

ANSWER: A

Câu 10: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Ngày 01/10/N, công ty truyền thông HTV ký một hợp đồng cung cấp dịch vụ quảng cáo trong 6 tháng cho công ty MHK với tổng giá trị là 360.000.000 đồng, toàn bộ tiền sẽ thanh toán theo hình thức chuyển khoản vào ngày 31/03/N+1. Vào cuối kỳ kế toán năm N, kế toán của MHK sẽ ghi nhận chi phí từ việc sử dụng dịch vụ quảng cáo theo hợp đồng này là 180.000.000 đồng. Việc ghi nhận chi phí như vậy là kế toán đã thực hiện bút toán điều chỉnh cho:

- A. Một khoản chi phí chưa thanh toán và chưa được ghi nhận**
- B. Một khoản doanh thu chưa thu tiền và chưa được ghi nhận**
- C. Một khoản chi phí trả trước**
- D. Một khoản doanh thu chưa thực hiện**

ANSWER: A

Câu: Ngày 01/10/N, công ty truyền thông HTV ký một hợp đồng cung cấp dịch vụ quảng cáo trong 6 tháng cho công ty MHK với tổng giá trị là 540.000.000 đồng, toàn bộ tiền đã được thanh toán theo hình thức chuyển khoản ngay trong ngày 1/10/N. Vào cuối kỳ kế toán năm N, kế toán của

MHK sẽ ghi nhận doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ theo hợp đồng này là 270.000.000 đồng. Việc

ghi nhận doanh thu như vậy là kế toán đã thực hiện bút toán điều chỉnh cho:

- A. Một khoản doanh thu chưa thực hiện
- B. Một khoản chi phí chưa thanh toán và chưa được ghi nhận
- C. Một khoản chi phí trả trước
- D. Một khoản doanh thu chưa thu tiền và chưa được ghi nhận

ANSWER: A

Câu 11: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Nội dung kinh tế nào dưới đây phù hợp với bút toán nhật ký “Nợ TK 641/Có TK 111”

- A. Chi tiền mặt thanh toán hóa đơn tiền điện thoại tháng này tại cửa hàng
- B. Chi tiền mặt để thanh toán lương tháng trước cho nhân viên bán hàng
- C. Chi tiền mặt mua tài sản cố định sử dụng ngay tại cửa hàng
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Câu: Nội dung kinh tế nào dưới đây phù hợp với bút toán nhật ký “Nợ TK 642/Có TK 112”

- A. Chuyển khoản mua văn phòng phẩm sử dụng ngay tháng này cho bộ phận quản lý
- B. Chuyển khoản thanh toán lương tháng trước cho bộ phận quản lý
- C. Chuyển khoản mua tài sản cố định sử dụng ngay tại bộ phận văn phòng quản lý
- D. Tất cả đều đúng

ANSWER: A

Câu 12: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Bút toán nào sau đây ĐÚNG khi thực hiện khóa sổ các tài khoản tạm thời?

- A. Nợ TK 515/Có TK 911
- B. Nợ TK 521/Có TK 911
- C. Nợ TK 632/Có TK 911
- D. Nợ TK 911/Có TK 511

ANSWER: A

Câu: Bút toán nào sau đây ĐÚNG khi thực hiện khóa sổ các tài khoản tạm thời?

- A. Nợ TK 911/Có TK 632
- B. Nợ TK 521/Có TK 911

C. Nợ TK 811/Có TK 911

D. Nợ TK 911/Có TK 711

ANSWER: A

Câu 13: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Ngày 1/11/2023, công ty ký hợp đồng cho thuê văn phòng trong 8 tháng (từ tháng 11 đến hết tháng 6/2024) là 160.000.000 đồng, cùng ngày khách hàng chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền hợp đồng. Ngày 31/12/2023, sau khi thực hiện bút toán điều chỉnh thì tài khoản “Doanh thu chưa thực hiện” liên quan đến hợp đồng này là bao nhiêu?

A. 120.000.000 đồng

B. 40.000.000 đồng

C. 20.000.000 đồng

D. 100.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Ngày 1/10/2023, công ty ký hợp đồng cho thuê văn phòng trong 8 tháng (từ tháng 10 đến hết tháng 5/2024) là 160.000.000 đồng, cùng ngày khách hàng chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền hợp đồng. Ngày 31/12/2023, sau khi thực hiện bút toán điều chỉnh thì tài khoản “Doanh thu chưa thực hiện” liên quan đến hợp đồng này là bao nhiêu?

A. 100.000.000 đồng

B. 60.000.000 đồng

C. 20.000.000 đồng

D. 40.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 14: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Ngày 1/8/2023, công ty ký hợp đồng thuê một cửa hàng với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 1/8/2023 đến hết ngày 31/1/2024. Công ty đã chuyển khoản 90.000.000 đồng thanh toán toàn bộ tiền thuê vào ngày 1/8/2023. Biết công ty thực hiện kỳ kế toán năm, kế toán ghi nhận chi phí thuê cửa hàng phát sinh năm 2023 là:

A. 75.000.000 đồng

B. 90.000.000 đồng

C. 15.000.000 đồng

D. 30.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Ngày 1/6/2023, công ty ký hợp đồng cho thuê một cửa hàng với giá thuê 15.000.000 đồng/tháng. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 1/6/2023 đến hết ngày 31/5/2024. Công ty đã nhận đủ 180.000.000 đồng toàn bộ tiền thuê vào ngày 1/6/2023 bằng chuyển khoản. Biết công ty thực hiện kỳ kế toán năm, kế toán ghi nhận doanh thu cho thuê cửa hàng phát sinh năm 2023 là:

- A. 105.000.000 đồng
- B. 75.000.000 đồng
- C. 180.000.000 đồng
- D. 90.000.000 đồng

ANSWER: A

Câu 15: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Ngày 1/9/2023, công ty A xuất kho một cái máy in trị giá 24.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Biết công ty A áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/2023 là:

- A. Nợ TK 642 16.000.000
 Có TK 242 16.000.000
- B. Nợ TK 642 4.000.000
 Có TK 242 4.000.000
- C. Nợ TK 642 16.000.000
 Có TK 153 16.000.000
- D. Nợ TK 642 4.000.000
 Có TK 153 4.000.000

ANSWER: A

Câu: Ngày 1/8/2023, công ty A xuất kho một cái máy in trị giá 24.000.000 đồng có thời gian phân bổ hợp lý 6 tháng, bắt đầu từ tháng này ra sử dụng tại phòng Kế toán. Biết công ty A áp dụng kỳ kế toán năm, bút toán điều chỉnh tại ngày 31/12/2023 là:

- A. Nợ TK 642 20.000.000
 Có TK 242 20.000.000
- B. Nợ TK 642 4.000.000
 Có TK 242 4.000.000
- C. Nợ TK 642 20.000.000
 Có TK 153 20.000.000
- D. Nợ TK 642 4.000.000
 Có TK 153 4.000.000

ANSWER: A

Câu 16: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Nghiệp vụ “Cuối tháng 12/2023, công ty dịch vụ kế toán FTS nhận được tiền chuyển khoản phí dịch vụ kế toán đã cung cấp cho khách hàng trong tháng 12/2023” được kế toán ghi sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 112/Có TK 511
- B. Nợ TK 642/Có TK 112
- C. Nợ TK 112/Có TK 3387
- D. Nợ TK 242/Có TK 112

ANSWER: A

Câu: Nghiệp vụ “Tháng 12/2023, công ty FAC chi tiền mặt trả phí dịch vụ vệ sinh công ty tháng 12/2023” được ghi kế toán sổ nhật ký:

- A. Nợ TK 641/Có TK 111
- B. Nợ TK 242/Có TK 111
- C. Nợ TK 111/Có TK 511
- D. Nợ TK 111/Có TK 3387

ANSWER: A

Câu 17: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Thông tin liên quan đến doanh thu của công ty A trong năm 2023 như sau: tổng sản lượng sản phẩm bán ra 5.000 sản phẩm với đơn giá bán 200.000 đồng/sản phẩm; tiền lãi phát sinh từ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trong năm là 30.000.000 đồng; khoản giảm giá hàng bán 15.000.000 đồng. Cuối năm 2023, kế toán ghi nhận bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập như sau:

- A. Nợ TK 511 985.000.000
 Nợ TK 515 30.000.000
 Có TK 911 1.015.000.000
- B. Nợ TK 911 1.015.000.000
 Có TK 511 985.000.000
 Có TK 515 30.000.000
- C. Nợ TK 511 1.000.000.000
 Nợ TK 521 15.000.000
 Nợ TK 515 30.000.000
 Có TK 911 1.045.000.000
- D. Nợ TK 911 1.045.000.000

Có TK 511	1.000.000.000
Có TK 515	30.000.000
Có TK 521	15.000.000

ANSWER: A

Câu: Thông tin liên quan đến doanh thu của công ty A trong năm 2023 như sau: tổng sản lượng sản phẩm bán ra 5.000 sản phẩm với đơn giá bán 180.000 đồng/sản phẩm; tiền lãi phát sinh từ tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trong năm là 30.000.000 đồng; khoản giảm giá hàng bán 15.000.000 đồng. Cuối năm 2023, kế toán ghi nhận bút toán khóa sổ các tài khoản doanh thu, thu nhập như sau:

A. Nợ TK 511	885.000.000
Nợ TK 515	30.000.000
Có TK 911	915.000.000
B. Nợ TK 911	915.000.000
Có TK 511	885.000.000
Có TK 515	30.000.000
C. Nợ TK 511	900.000.000
Nợ TK 521	15.000.000
Nợ TK 515	30.000.000
Có TK 911	945.000.000
D. Nợ TK 911	945.000.000
Có TK 511	900.000.000
Có TK 515	30.000.000
Có TK 521	15.000.000

ANSWER: A

Câu 18: (Random 1 trong 2 câu)

Câu :

Cho một số thông tin về tình hình kinh doanh của công ty A như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	480.000.000
Giảm giá hàng bán	20.000.000
Chiết khấu thương mại	10.000.000

Trong bút toán khóa sổ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, kế toán ghi:

A. Nợ TK 511	450.000.000
B. Nợ TK 911	450.000.000

- C. Nợ TK 511 460.000.000
- D. Nợ TK 911 460.000.000

ANSWER: A

Câu:

Cho một số thông tin về tình hình kinh doanh của công ty A như sau:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	480.000.000
Giảm giá hàng bán	20.000.000
Chiết khấu thanh toán	10.000.000

Trong bút toán khóa sổ tài khoản “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, kế toán ghi:

- A. Nợ TK 511 460.000.000
- B. Nợ TK 911 460.000.000
- C. Nợ TK 511 450.000.000
- D. Nợ TK 911 450.000.000

ANSWER: A

Câu 19: (Random 1 trong 2 câu):

Câu: Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 500 sản phẩm đơn giá mua 180.000 đồng/sản phẩm. Chiết khấu được hưởng khi mua với số lượng lớn là 1% trên giá mua. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tiền mặt là 1.200.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 90.300.000 đồng
- B. 90.288.000 đồng
- C. 91.200.000 đồng
- D. 89.100.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Công ty A mua một lô hàng hóa gồm 500 sản phẩm đơn giá mua 190.000 đồng/sản phẩm. Chiết khấu được hưởng khi mua với số lượng lớn là 1% trên giá mua. Chi phí vận chuyển hàng về nhập kho đã thanh toán bằng tiền mặt là 1.200.000 đồng. Tổng giá trị nhập kho của lô hàng hóa này là bao nhiêu?

- A. 95.250.000 đồng
- B. 91.200.000 đồng
- C. 90.288.000 đồng

D. 96.200.000 đồng

ANSWER: A

Câu 20: (Random 1 trong 2 câu)

Câu: Công ty A thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Đầu tháng 12, công ty có 600 sản phẩm với đơn giá 150.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/12/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 400 sản phẩm, đơn giá 155.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/12, công ty xuất kho bán 670 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 180.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/12/2023 là:

A. 100.850.000 đồng

B. 100.500.000 đồng

C. 103.850.000 đồng

D. 120.600.000 đồng

ANSWER: A

Câu: Công ty A thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO). Đầu tháng 12, công ty có 600 sản phẩm với đơn giá 150.000 đồng/sản phẩm. Ngày 10/12/N, công ty đã chuyển khoản mua nhập kho 400 sản phẩm, đơn giá 155.000 đồng/sản phẩm. Ngày 20/12, công ty xuất kho bán 770 sản phẩm cho khách hàng với giá bán 180.000 đồng/sản phẩm. Giá vốn hàng bán được ghi nhận tại ngày 20/12/2023 là:

A. 116.350.000 đồng

B. 115.500.000 đồng

C. 119.350.000 đồng

D. 120.600.000 đồng

ANSWER: A

PHẦN TƯ LUẬN (3.0 điểm) (Random 1 trong 2 câu)

Câu TL1:

Số dư một số tài khoản kế toán vào đầu tháng 6 năm 2023 tại công ty MA Fashion như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
Tiền mặt	120.000.000
Tiền gửi ngân hàng	2.000.000.000
Hàng hóa	100.000.000 (chi tiết 1.000 sản phẩm)
Phải trả người bán	130.000.000 (nợ người bán M)

Phải thu khách hàng	70.000.000 (phải thu khách hàng N)
---------------------	------------------------------------

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 6 năm 2023 như sau:

- (1) Ngày 2, chuyển khoản mua một lô công cụ dụng cụ nhập kho trị giá 12.000.000 đồng.
- (2) Ngày 10, khách hàng N chuyển khoản thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho công ty
- (3) Ngày 12, bán 250 sản phẩm hàng hóa hiện có trong kho cho khách hàng X với tổng giá bán 70.000.000 đồng, thu ngay ½ bằng chuyển khoản, phần còn lại thu sau.
- (4) Ngày 18, công ty chuyển khoản thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho người bán M
- (5) Ngày 20, chi tiền mặt thanh toán hóa đơn tiền điện tháng này tại bộ phận bán hàng 5.000.000 đồng.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 153	12.000.000		
		CÓ TK 112	12.000.000
			<i>(0.5 điểm)</i>
(2) NỢ TK 112	70.000.000		
		CÓ TK 131	70.000.000
			<i>(0.5 điểm)</i>
(3) NỢ TK 112	35.000.000		
		NỢ TK 131	35.000.000
		CÓ TK 511	70.000.000
			<i>(0.5 điểm)</i>
		NỢ TK 632	25.000.000
		CÓ TK 156	25.000.000
			<i>(0.5 điểm)</i>
(4) NỢ TK 331	130.000.000		
		CÓ TK 112	130.000.000
			<i>(0.5 điểm)</i>
(5) NỢ TK 641	5.000.000		
		CÓ TK 111	5.000.000
			<i>(0.5 điểm)</i>

Câu TL2:

Số dư một số tài khoản kế toán vào đầu tháng 6 năm 2023 tại công ty MA Fashion như sau:

TÀI KHOẢN	SỐ TIỀN (ĐỒNG)
Tiền mặt	120.000.000
Tiền gửi ngân hàng	2.000.000.000
Hàng hóa	120.000.000 <i>(chi tiết 1.000 sản phẩm)</i>
Phải trả người bán	170.000.000 (nợ người bán M)
Phải thu khách hàng	65.000.000 (phải thu khách hàng N)

Ghi sổ nhật ký (định khoản) các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 6 năm 2023 như sau:

- (1) Ngày 2, chi tiền mặt mua một lô nguyên vật liệu nhập kho trị giá 7.000.000 đồng
- (2) Ngày 10, công ty chuyển khoản thanh toán $\frac{1}{2}$ số tiền còn nợ cho người bán M
- (3) Ngày 12, bán 250 sản phẩm hàng hóa hiện có trong kho cho khách hàng X với tổng giá bán 80.000.000 đồng, thu ngay bằng chuyển khoản
- (4) Ngày 18, khách hàng N thanh toán toàn bộ tiền hàng còn nợ tháng trước
- (5) Ngày 20, nhận hóa đơn tiền điện tháng này tại bộ phận quản lý doanh nghiệp chưa thanh toán với số tiền 5.000.000 đồng.

ĐÁP ÁN:

(1) NỢ TK 152	7.000.000	(0.5 điểm)
CÓ TK 111	7.000.000	
(2) NỢ TK 331	85.000.000	
CÓ TK 112	85.000.000	(0.5 điểm)
(3) NỢ TK 112	80.000.000	
CÓ TK 511	80.000.000	(0.5 điểm)
NỢ TK 632	30.000.000	
CÓ TK 156	30.000.000	(0.5 điểm)
(4) NỢ TK 112	65.000.000	
CÓ TK 131	65.000.000	(0.5 điểm)
(5) NỢ TK 642	5.000.000	
CÓ TK 331	5.000.000	(0.5 điểm)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ



ThS. Phan Minh Nguyệt

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ



ThS. Phạm Nguyễn Thanh Thủy